

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2020/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị T** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà 101, tổ 04, phường Hòa C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Ông **Đàm Nguyễn T** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà 101, tổ 04, phường Hòa C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Vũ Thị T** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà 101, tổ 04, phường Hòa C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Ông **Đàm Nguyễn T** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà 101, tổ 04, phường Hòa C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị T và ông Đàm Nguyễn T.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên là: Đàm Thị C – Sinh ngày: 18/11/2001 (Giới tính: Nữ) hiện con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có đủ khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề xem xét.

- **Về tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Vũ Thị T và ông Đàm Nguyễn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng bà T tự nguyện nộp thay cho ông T số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Tổng số tiền án phí mà bà T phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000872 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Bà T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát TPCB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB;
- CCTHADS TPCB;
- UBND phường Hòa C, TPCB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hanh**